

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEX

Xóm Vật Lại, xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quý Hà	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012)
Ông Hoàng Thế Trung	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012)
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tôn	Thành viên
Ông Mark Harris	Thành viên
Ông Meelan Gurung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012)
Ông Edgardo Bautista	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012)
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tôn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lượng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2012, miễn nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2013

Số: 433 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 01 năm 2013, từ trang 5 đến trang 24. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới các vấn đề sau:

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh và đang thiếu hụt vốn lưu động dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan tới vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 và Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản cố định. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng lên khoảng 27,7 tỷ đồng so với việc sử dụng tỷ lệ khấu hao trước đây, do đó, lợi nhuận trước thuế bị giảm đi một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận doanh thu trợ giá theo Công văn số 10133/UBND-KT ngày 21 tháng 11 năm 2011 của UBND thành phố Hà Nội về việc tạm thời tiếp tục trợ giá nước sạch theo Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội. Doanh thu trợ giá có thể được điều chỉnh tùy theo quyết định của UBND thành phố Hà Nội.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 01 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Như Thành
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2378/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		61.766.821.876	72.540.265.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.459.690.144	27.748.961.981
1. Tiền	111		3.459.690.144	25.748.961.981
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.448.781.277	35.413.574.092
1. Phải thu khách hàng	131		20.766.765.404	29.751.800.616
2. Trả trước cho người bán	132		1.641.357.850	-
3. Các khoản phải thu khác	135	5	27.040.658.023	5.661.773.476
III. Hàng tồn kho	140	6	8.130.745.659	8.668.653.427
1. Hàng tồn kho	141		9.597.742.619	8.668.653.427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.466.996.960)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		727.604.796	709.075.601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		95.024.876	99.984.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		396.078.900	336.856.398
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		236.501.020	272.235.203
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		1.190.077.454.433	1.308.245.228.618
I. Tài sản cố định	220		1.189.082.027.758	1.307.760.698.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.189.082.027.758	1.307.760.698.091
- Nguyên giá	222		1.555.306.452.069	1.555.153.516.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.224.424.311)	(247.392.818.316)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		250.000.000	250.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	8	250.000.000	250.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		745.426.675	234.530.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		745.426.675	234.530.527
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.251.844.276.309	1.380.785.493.719

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		861.891.284.333	991.084.024.450
I. Nợ ngắn hạn	310		243.258.868.815	212.557.722.860
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	223.489.715.282	193.319.450.480
2. Phải trả người bán	312		3.732.553.515	2.926.702.701
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	426.161.796	297.287.042
4. Phải trả người lao động	315		6.268.793.420	3.700.195.290
5. Chi phí phải trả	316	11	8.968.691.081	11.881.270.791
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		372.953.721	432.816.556
II. Nợ dài hạn	330		618.632.415.518	778.526.301.590
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	618.632.415.518	778.526.301.590
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		389.952.991.976	389.701.469.269
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	389.952.991.976	389.701.469.269
1. Vốn điều lệ	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(110.047.008.024)	(110.298.530.731)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.251.844.276.309	1.380.785.493.719



Nguyễn Văn Tôn
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 01 năm 2013

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Vũ Anh
 Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	283.856.125.473	226.697.926.553
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		283.856.125.473	226.697.926.553
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	184.141.584.011	132.507.962.390
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		99.714.541.462	94.189.964.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	244.424.293	847.860.074
7. Chi phí tài chính	22	17	76.413.620.051	96.739.233.228
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.194.772.825	75.668.821.342
8. Chi phí bán hàng	24		2.837.794.589	167.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.528.917.476	14.945.930.742
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-24-25)	30		178.633.639	(16.814.339.733)
11. Thu nhập khác	31		102.335.000	5.666.900
12. Chi phí khác	32		29.445.932	22.019.673
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		72.889.068	(16.352.773)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		251.522.707	(16.830.692.506)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		251.522.707	(16.830.692.506)



Nguyễn Văn Tôn
Tổng Giám đốc

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Bùi Thị Vũ Anh
Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	251.522.707	(16.830.692.506)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	118.904.568.415	90.581.846.460
Các khoản dự phòng	03	1.466.996.960	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	17.889.059.433
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(244.424.294)	(847.860.074)
Chi phí lãi vay	06	75.194.772.825	75.668.821.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	195.573.436.613	166.461.174.655
Thay đổi các khoản phải thu	09	(14.058.695.504)	(5.988.432.648)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(929.089.192)	715.895.425
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.305.066.020)	7.813.028.955
Thay đổi chi phí trả trước	12	(34.198.741)	(249.458.261)
Tiền lãi vay đã trả	13	(77.679.359.477)	(65.917.939.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	82.567.027.679	102.834.268.354
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.818.182)	(1.163.054.795)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(250.000.000)
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được	27	244.424.293	4.036.973.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	217.606.111	2.623.918.279
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	53.861.390.539	24.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(160.935.296.166)	(122.921.287.244)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(107.073.905.627)	(98.921.287.244)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(24.289.271.837)	6.536.899.389
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.748.961.981	21.212.062.592
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.459.690.144	27.748.961.981



Nguyễn Văn Tôn
 Tổng Giám đốc

Đình Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Vũ Anh
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Vinaconex) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400310164 ngày 27 tháng 3 năm 2009. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400310164 ngày 17 tháng 12 năm 2009 và điều chỉnh ngày 18 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 133 (31 tháng 12 năm 2011: 130).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất đồ uống nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch); hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; hoạt động kiểm tra và phân tích kỹ thuật thăm dò địa chất nguồn nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000252 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 110.047.008.024 VND (31 tháng 12 năm 2011: 110.298.530.731 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 181.492.046.939 VND (31 tháng 12 năm 2011: 140.017.457.759 VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai cũng như hỗ trợ từ các cổ đông. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các cổ đông chính của Công ty sẽ cam kết hỗ trợ tài chính và hoạt động cho Công ty khi cần thiết cho tới khi Công ty có thể tạo đủ dòng tiền để tự tài trợ cho hoạt động của mình. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ và theo phương pháp nhập trước xuất trước đối với thành phẩm. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2012 Số năm	Năm 2011 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20	5 - 25
Phương tiện vận tải	6 - 10	6 - 10
Máy móc và thiết bị	3 - 15	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 8	3 - 8

Theo Quyết định số 06/2012/QĐ-HĐQT ngày 04 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng Quản trị về việc thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định của các nhóm tài sản như trên. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)***Doanh thu trợ giá*

Theo Công văn số 10133 ngày 21 tháng 11 năm 2011, UBND thành phố Hà Nội giao Sở Tài chính bố trí nguồn kinh phí và tạm cấp kinh phí trợ giá nước sạch cho Công ty trong năm 2012 theo phương án trợ giá đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội.

Theo đó, doanh thu trợ giá được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá mua nước sạch và phương án trợ giá tạm thời trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong đó, UBND thành phố Hà Nội phê duyệt phương án trợ giá cho Công ty trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo nguyên tắc sau:

- (a) Trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009: Trợ giá 1.996 đồng/m³ cho Công ty là phần chênh lệch giữa chi phí sản xuất nước (4.269 đồng/m³) với giá mua nước sạch cho thành phố Hà Nội (2.273 đồng/m³) theo khối lượng nước thực tế cấp qua đồng hồ tổng cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch (Viwaco) tiếp nhận và thực hiện phân phối;
- (b) Trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011: Trợ giá 1.920,54 đồng/m³ cho Công ty là phần chênh lệch giữa chi phí sản xuất nước (4.269 đồng/m³) với giá mua nước sạch cho thành phố Hà Nội (2.348,46 đồng/m³) theo khối lượng nước thực tế cấp qua đồng hồ tổng cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch (Viwaco) và Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông tiếp nhận và thực hiện phân phối.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có biên bản chốt chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước được xác nhận bởi Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 110.047.008.024 VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Hiện tại, Công ty đang xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành, theo đó Công ty được hưởng ưu đãi như sau: thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm và miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế và áp dụng ưu đãi miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.327.288	80.734.941
Tiền gửi ngân hàng	3.452.362.856	25.668.227.040
Các khoản tương đương tiền (i)	-	2.000.000.000
	<u>3.459.690.144</u>	<u>27.748.961.981</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi của Công ty có kỳ hạn không quá ba tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Số dư các khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 chủ yếu phản ánh khoản phải thu tiền bù giá nước với số tiền là 26.940.826.508 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 5.561.941.961 VND) theo Công văn số 10133 ngày 21 tháng 11 năm 2011 và Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.178.511.132	2.223.681.827
Công cụ, dụng cụ	6.414.976.790	6.444.971.600
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.254.697	-
Thành phẩm	-	-
Cộng	<u>9.597.742.619</u>	<u>8.668.653.427</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.466.996.960)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>8.130.745.659</u>	<u>8.668.653.427</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	1.420.733.251.195	2.973.059.221	130.741.158.395	706.047.596	1.555.153.516.407
Mua sắm trong năm	-	592.000.454	729.343.321	193.127.652	1.514.471.427
Giảm khác	(1.166.754.795)	-	-	(194.780.970)	(1.361.535.765)
Tại ngày 31/12/2012	1.419.566.496.400	3.565.059.675	131.470.501.716	704.394.278	1.555.306.452.069
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	210.721.132.678	490.791.220	36.164.840.833	16.053.585	247.392.818.316
Khấu hao trong năm	91.652.978.132	949.307.948	25.960.073.964	342.208.371	118.904.568.415
Giảm khác	(72.962.420)	-	-	-	(72.962.420)
Tại ngày 31/12/2012	302.301.148.390	1.440.099.168	62.124.914.797	358.261.956	366.224.424.311
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	1.117.265.348.010	2.124.960.507	69.345.586.919	346.132.322	1.189.082.027.758
Tại ngày 31/12/2011	1.210.012.118.517	2.482.268.001	94.576.317.562	689.994.011	1.307.760.698.091

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.186.953.708.811 VND (31 tháng 12 năm 2011: 1.304.824.415.694 VND) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn ngân hàng.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 3. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tăng thêm 27.751.061.485 VND so với việc sử dụng tỷ lệ khấu hao trước đây, do đó, lợi nhuận trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh khoản đầu tư mua 25.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Công ty là cổ đông sáng lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEX

Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn

Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	31,374,510,640	49,787,621,512
Công ty TNHH Acuatico Pte	-	26,978,404,000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	4,429,106,810	22,809,217,512
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (ii)	26,945,403,830	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	192,115,204,642	143,531,828,968
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	120,257,134,642	43,504,762,968
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	49,658,070,000	70,827,066,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	21,000,000,000	28,000,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	1,200,000,000	1,200,000,000
	<u>223,489,715,282</u>	<u>193,319,450,480</u>

Vay ngắn hạn thể hiện:

(i) Bao gồm 2 khoản vay:

- Ngày 18 tháng 01 năm 2012, công ty đã kí kết ước vay vốn với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với số tiền vay là 4.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho công ty. Thời hạn vay 9 tháng với lãi suất 17,5% một năm. Số dư khoản vay này tại thời điểm 31/12/2012 là 4.000.000.000 VND. Số dư của khoản vay này đang bị quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2012.
- Ngày 29 tháng 12 năm 2011, Công ty đã kí phụ lục kế ước vay vốn với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam điều chỉnh bổ sung kế ước vay vốn ngày 01/10/2009, theo đó Công ty sẽ nhận lại nợ với Tổng Công ty số tiền 8.513.949.394 VND kể từ ngày 29/11/2012, với lãi suất 17,5%, thời hạn vay tối đa 9 tháng. Số dư khoản vay này tại thời điểm 31/12/2012 là 429.106.810 VND. Số dư của khoản vay này đang bị quá hạn thanh toán tại thời điểm 31/12/2012.

(ii) Ngày 19/12/2012, Công ty ký Hợp đồng vay vốn số LN 250011/00250/2012/0001750 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích sản xuất và kinh doanh nước sạch. Hạn mức cho vay là 35.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là từ ngày 19/12/2012 đến ngày 30/11/2013. Thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi theo thông báo lãi suất của Ngân hàng. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Mức lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Ngày trả lãi là ngày 25 hàng tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đã rút vốn với tổng số tiền là 26.945.403.830 VND.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế tài nguyên	287.014.794	253.729.143
Thuế thu nhập cá nhân	130.642.065	31.264.579
Các loại thuế khác	8.504.937	12.293.320
	<u>426.161.796</u>	<u>297.287.042</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số dư chi phí phải trả phản ánh phí bảo lãnh phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và chi phí lãi vay, cụ thể như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.333.788.911	10.818.375.563
Phí bảo lãnh	634.902.170	1.062.895.228
	<u>8.968.691.081</u>	<u>11.881.270.791</u>

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	810.747.620.161	849.084.192.239
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	302.709.595.885	277.582.671.963
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (ii)	365.594.570.000	413.858.066.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (iii)	140.000.000.000	154.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (iv)	2.443.454.276	3.643.454.276
Nợ dài hạn	-	72.973.938.319
Tổng cộng	<u>810.747.620.161</u>	<u>922.058.130.558</u>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả <i>(được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)</i>	(192.115.204.642)	(143.531.828.968)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>618.632.415.518</u>	<u>778.526.301.590</u>

Vay dài hạn thể hiện:

- (i) Ngày 01 tháng 10 năm 2009, Công ty đã ký với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam để vay lại một số khoản vay thuộc Khế ước vay vốn theo Hợp đồng chuyển giao tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông. Các khoản vay được cho vay lại bao gồm (a) một khoản vay với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I với lãi suất 14%/năm; (b) một khoản với Ngân hàng Natixis, Cộng hòa Pháp với lãi suất LIBOR cộng 2,35%/năm và 0,5% phí bảo lãnh của Bộ Tài chính; (c) một phần vay từ vốn tự có của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với lãi suất cố định 12,5%/năm.
- (ii) Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Công ty cùng với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HĐKT-NHPT. Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.506.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,6%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (iii) Ngày 05 tháng 8 năm 2010, Công ty cùng với Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHĐTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTD-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam). Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (iv) Ngày 22 tháng 10 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 09/250005-688 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với hạn mức tín dụng 5.500.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho mục đích đầu tư dự án thiết bị xử lý sự cố tuyến ống truyền tải nước sạch Hòa Bình - Hà Nội. Lãi suất được quy định là lãi suất trả lãi sau của tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng tại thời điểm cho vay, cộng với phí ngân hàng 2%/năm. Tài sản hình thành sau đầu tư, cụ thể là một số máy móc của dự án, được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	192.115.204.642	143.531.828.968
Trong năm thứ hai	163.000.217.245	217.906.701.287
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	441.436.683.496	434.328.009.160
Sau năm năm	14.195.514.778	126.291.591.143
Tổng cộng	<u>810.747.620.161</u>	<u>922.058.130.558</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn</i>)	(192.115.204.642)	(143.531.828.968)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>618.632.415.518</u>	<u>778.526.301.590</u>

Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng (xem Thuyết minh số 7).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEXXóm Vật Lại, Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	500.000.000.000	(93.467.838.225)	406.532.161.775
Lỗ trong năm	-	(16.830.692.506)	(16.830.692.506)
Số dư tại ngày 01/01/2012	500.000.000.000	(110.298.530.731)	389.701.469.269
Lợi nhuận trong năm	-	251.522.707	251.522.707
Số dư tại ngày 31/12/2012	500.000.000.000	(110.047.008.024)	389.952.991.976

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND (năm 2011: 500.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	255.000.000.000	51,00	255.000.000.000	255.000.000.000
Công ty TNHH Acuatico Pte	218.000.000.000	43,60	218.000.000.000	218.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	1.000.000.000	0,20	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Vinaconex	1.000.000.000	0,20	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà đầu tư khác	25.000.000.000	5,00	25.000.000.000	25.000.000.000
	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	500.000.000.000

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch	170.942.927.925	124.684.233.917
Trợ giá cho hoạt động kinh doanh nước sạch	112.913.197.548	96.126.595.364
Doanh thu hoạt động xây lắp	-	5.887.097.272
	283.856.125.473	226.697.926.553

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEX

Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn

Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh nước sạch	184.141.584.011	126.833.770.318
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	5.674.192.072
	<u>184.141.584.011</u>	<u>132.507.962.390</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	211.924.293	847.860.074
Cổ tức	32.500.000	-
	<u>244.424.293</u>	<u>847.860.074</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	75.194.772.825	75.668.821.342
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.089.301	17.889.059.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.222.506	2.118.457.225
Phí bảo lãnh	1.209.535.419	1.062.895.228
	<u>76.413.620.051</u>	<u>96.739.233.228</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2012</u>	<u>2011</u>
	VND	VND
Chi phí khấu hao	118.904.568.415	90.581.846.460
Chi phí nguyên vật liệu	43.220.829.206	26.025.609.292
Chi phí nhân công	21.304.040.955	14.503.966.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.408.874.324	13.389.331.825
Chi phí dụng cụ sản xuất	283.143.323	485.111.860
Chi phí đồ dùng văn phòng	134.434.424	263.542.641
Chi phí bằng tiền khác	3.385.220.528	1.850.309.167
	<u>208.641.111.175</u>	<u>147.099.717.362</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo Nghị quyết số 02/2012/NQ - ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 8 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chủ trương Đầu tư giai đoạn 2 nâng công suất từ 300.000m³/ngày đêm lên 600.000m³/ngày đêm.

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 và 12, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.459.690.144	27.748.961.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.807.423.427	35.413.574.092
Đầu tư dài hạn	250.000.000	250.000.000
Tổng cộng	51.517.113.571	63.412.536.073
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	842.122.130.800	971.845.752.070
Phải trả người bán và phải trả khác	4.011.021.388	3.218.335.816
Chi phí phải trả	8.968.691.081	11.881.270.791
Tổng cộng	855.101.843.269	986.945.358.677

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	156.150.662.277	184.541.691.896

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 21.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEX

Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn

Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2012	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.459.690.144	-	3.459.690.144
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.807.423.427	-	47.807.423.427
Đầu tư dài hạn	-	250.000.000	250.000.000
	51.267.113.571	250.000.000	51.517.113.571
31/12/2012	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	223.489.715.282	618.632.415.518	842.122.130.800
Phải trả người bán và phải trả khác	4.011.021.388	-	4.011.021.388
Chi phí phải trả	8.968.691.081	-	8.968.691.081
	236.469.427.751	618.632.415.518	855.101.843.269
31/12/2011	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.748.961.981	-	27.748.961.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.413.574.092	-	35.413.574.092
Đầu tư dài hạn	-	250.000.000	250.000.000
	63.162.536.073	250.000.000	63.412.536.073
31/12/2011	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	193.319.450.480	778.526.301.590	971.845.752.070
Phải trả người bán và phải trả khác	3.218.335.816	-	3.218.335.816
Chi phí phải trả	11.881.270.791	-	11.881.270.791
	208.419.057.087	778.526.301.590	986.945.358.677

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty. Ban Giám đốc đã có kế hoạch để giải quyết vấn đề thanh khoản của Công ty từ sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông (xem Thuyết minh số 2). Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể nhận được đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	127.454.256.665	114.013.350.774
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	561.929.886	837.523.087
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	2.972.831.770	1.064.250.000
Công ty Cổ phần ống sợi Thủy tinh Vinaconex	172.048.050	-
Chi phí lãi vay phát sinh		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	19.290.348.007	19.216.060.843
Công ty TNHH Dịch vụ Acuatico Việt Nam	2.042.950.176	1.035.616.438
Thu nhập Ban Giám đốc	1.001.200.000	613.687.798

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VINACONEXXóm Vật Lại, Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

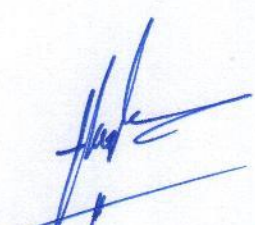
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	13,759,704,026	26,726,784,630
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	200,414,371	97,013,358
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nước sạch	-	1,182,500,000
Vay ngắn hạn		
Công ty TNHH Acuatico Pte	-	26,978,404,000
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	124,686,241,453	66,313,980,480
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	182,452,461,246	234,077,908,995
Nợ dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	-	72,973,938,319

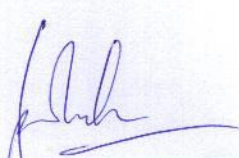
22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



 Nguyễn Văn Tôn
 Tổng Giám đốc


 Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng


 Bùi Thị Vũ Anh
 Người lập biểu

Ngày 29 tháng 01 năm 2013